

ĐC

329

T.S TRẦN ĐĂNG THAO

Đặc sắc văn chương

VŨ TRỌNG PHỤNG



THANH NIÊN

**ĐẶC SẮC VĂN CHƯƠNG
VŨ TRỌNG PHỤNG**

895-9223009

Đ 1155

T.S TRẦN ĐĂNG THAO

ĐẶC SẮC VĂN CHƯƠNG VŨ TRỌNG PHỤNG

ĐC: 329



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

MỞ ĐẦU

Trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, giai đoạn văn học 1930-1945 chiếm một vị trí hết sức đặc biệt. Đó là thời kỳ bùng nổ của văn học dân tộc trên đường hiện đại hoá với tất cả sự bùng bột và hứng khởi, với một loạt tên tuổi các nhà văn, cùng với những thành tựu văn chương trên hầu khắp các thể loại: Truyện ngắn, kịch, thơ ca, tiểu thuyết, phóng sự, v.v... chỉ tính riêng dòng văn học hiện thực đã có tới hàng chục các tài năng lớn. Vũ Trọng Phụng (1912-1939) là một trong những cây bút tiêu biểu của trào lưu này. Ông thuộc lớp người cầm bút đa tài, tuy tuổi đời và tuổi nghề hết sức ngắn ngủi, song lại thật sự có chất lượng lao động nghệ thuật cao trên nhiều lĩnh vực và có những đóng góp xuất sắc ở hai mảng tiểu thuyết và phóng sự. Sáu thập kỷ qua, “ông vua phóng sự” - “tiểu thuyết gia trác tuyệt” ấy đã, đang và ngày càng chiếm lĩnh địa vị vững chắc trên văn đàn dân tộc. Sáu mươi năm qua, xoay quanh Vũ Trọng Phụng

đã từng nổ ra nhiều ý kiến tranh cãi quyết liệt, có lúc trở thành những cuộc bút chiến văn chương, nhiều khi trái ngược, mâu thuẫn đến lạ lùng. Song “nếu ví dư luận của giới văn học như một dòng nước, thì Vũ Trọng Phụng giống như một vật nổi dập dềnh, có khi chìm sâu xuống, tưởng chừng mất tăm, ấy thế mà cuối cùng lại hiện lên từ tởn, lạng lẽ theo đúng định luật Ácsimét”⁽¹⁾ Sáu mươi năm đáng gọi là một chặng đường dài so với khoảng vài chục năm vận động và tồn tại của trào lưu văn học hiện thực. Trải bao thăng trầm, biến cố, cái sàng thời gian nghiệt ngã ấy đã kịp giữ lại những gì là tinh hoa, tinh túy của văn chương và càng sáng rõ hơn, đậm thắm hơn trong bối cảnh cởi mở của mười năm đổi mới do Đảng ta phát động. Sự chín muồi của lý luận, bề dày của thực tiễn lịch sử hôm nay là những điều kiện quan trọng giúp chúng ta có đủ cơ sở để thẩm định và soi sáng hàng loạt vấn đề, người và việc trong lĩnh vực khoa học và nhân văn để từng bước tiến tới cái đích của sự công bằng, chuẩn xác.

Ở vào thời điểm những năm cuối của thập kỷ 90 này, vấn đề Vũ Trọng Phụng thực sự không còn

⁽¹⁾ Nguyễn Đăng Mạnh. *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*. Tập I. NXB Văn học. Hà Nội 1987. Tr.15.

là điều bức xúc và nhức nhối như hai, ba thập kỷ trước. Tính cấp thiết của vấn đề, không phải là ở chỗ, thông qua đồng tư liệu bộn bề, phức tạp ấy, cần đi tới những ý kiến thống nhất nhằm “Trả lại cho Xeda, tất cả những gì Xeda có” (ý kiến của GS Phong Lê) mà điều quan trọng là tiếp tục tìm tòi, khám phá, chỉ ra những phần đóng góp cụ thể, đặc sắc của sự nghiệp văn chương Vũ Trọng Phụng đối với nền văn học nước nhà.

Trên cơ sở 208 tư liệu hiện đã thu thập được có liên quan trực tiếp tới Vũ Trọng Phụng, chúng tôi tự đặt nhiệm vụ khảo sát và hệ thống lại những ý kiến đã nêu, đồng thời đặc biệt chú trọng, đi sâu nghiên cứu trên hai thể loại phóng sự và tiểu thuyết phóng sự của ông, nhằm xác định rõ hơn vị trí của nhà văn trong toàn bộ tiến trình của lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, trong mối tương quan thể loại, bước đầu đề xuất một số ý kiến cụ thể về cuộc đời và văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng, phát hiện thêm những cống hiến độc đáo và đặc sắc của nhà văn qua hai thể loại phóng sự và tiểu thuyết phóng sự. Việc nghiên cứu có tính hệ thống về Vũ Trọng Phụng chẳng những giúp chúng ta có sự đánh giá chuẩn xác hơn về nhà văn mà còn góp phần khẳng định sâu sắc hơn tầm vóc và vị trí của cả trào lưu hiện thực.

Việc khảo sát một cách có hệ thống 5 phóng sự và 3 tiểu thuyết phóng sự: *Giông tố*, *Số đỏ*, *Vỡ đê* của Vũ Trọng Phụng, là khẳng định tài năng và chất lượng lao động nghệ thuật cao ở nhà văn này, biểu hiện qua các khâu, các thao tác cụ thể của sáng tạo nghệ thuật, với tư cách là một tác gia quan trọng của văn học hiện đại sẽ có tác dụng tích cực, phục vụ trực tiếp cho cuộc sống đương đại, trong mối quan hệ liên thông của dòng chảy lịch sử. Việc nghiên cứu và khảo sát có tính hệ thống về Vũ Trọng Phụng qua hai thể loại tiêu biểu cho sự nghiệp văn học của ông, sẽ làm sáng tỏ hơn quá trình hình thành và phát triển của văn học Việt Nam hiện đại, quy luật đổi mới văn học dân tộc vào những năm ba mươi của thế kỷ. Nghiên cứu chuyên sâu về Vũ Trọng Phụng là công việc đã làm, đang làm và còn cần được tiếp tục triển khai. Chọn đề tài: *“Đóng góp của Vũ Trọng Phụng đối với lịch sử văn học Việt Nam hiện đại qua hai thể loại phóng sự và tiểu thuyết”*, chúng tôi, trên cơ sở kế thừa các di sản và thành tựu của những người đi trước, bước đầu đặt cho mình những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Hệ thống hoá và thẩm định lại các tư liệu, các ý kiến đánh giá về Vũ Trọng Phụng trong suốt chặng đường hơn 60 năm qua.

2. Chỉ rõ phần đóng góp riêng biệt của nhà văn trên hai thể loại phóng sự và tiểu thuyết phóng sự

đối với giai đoạn văn học 1930-1945 cũng như lịch sử văn học Việt Nam hiện đại.

3. Có một vài đóng góp và đề xuất cụ thể trong việc giảng dạy các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng trong trường phổ thông và bậc đại học.

4. Đề cập tới một số khái niệm lý luận cần thiết có liên quan đến đề tài như: Khái niệm phóng sự, khái niệm tiểu thuyết, tiểu thuyết phóng sự...

Vũ Trọng Phụng là một trong những hiện tượng văn học phức tạp bậc nhất trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại. Hơn sáu chục năm qua, vấn đề Vũ Trọng Phụng “vẫn cứ treo lơ lửng không được giải quyết và là một nghi án kéo dài, như đề khiêu khích dư luận suốt trong nhiều thập kỷ” (Ý kiến của GS Nguyễn Hoàn Khung).

1. Giai đoạn trước năm 1975:

Ở mảng phóng sự, ngay từ những tác phẩm đầu tiên: *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây* đã dấy lên những ý kiến khen chê dữ dội. Hai tờ *Văn học tạp chí* và *Tin văn* đã đăng bài ca ngợi. Nhà phê bình Mai Xuân Nhân, trong bài viết trên tờ *Tràng An* đã gọi Vũ Trọng Phụng là “Ông vua phóng sự đất Bắc”. Nhà văn Phùng Tất Đắc đã nhiệt liệt cổ vũ và trực tiếp viết lời giới thiệu cuốn *Kỹ nghệ lấy Tây*,

xếp Vũ Trọng Phụng vào hàng những cây bút phóng sự xuất sắc nhất, đồng thời hết lời đề cao tài năng của nhà văn rất trẻ này. “Cuốn sách này, tôi không muốn chỉ coi là một thiên phóng sự. Tôi muốn đặt nó vào hàng những công trình có ảnh hưởng xa rộng hơn, những công trình có thể vạch hướng cho văn nghệ, những công trình giúp được tài liệu cho đời sau khảo sát về buổi này”, “Nếu phải giới thiệu với quốc dân thiên *Kỹ nghệ lấy Tây*, về phương diện phóng sự, thì tài nghệ của tác giả trong những tác phẩm đã nói trên đủ làm đảm bảo chắc chắn rồi”.

Nguyễn Triệu Luật đã ghi lại không khí văn học và dư luận thời ấy: “*Kỹ nghệ lấy Tây, Cam bẫy người, Cơm thầy cơm cô...* được khắp ba kỳ hoan nghênh nhiệt liệt”.

Tam Lang - nhà phóng sự tiên phong, thành viên trong bộ ba chàng họ Vũ thì viết những dòng ngợi ca chân thật người đồng nghiệp trẻ, tài hoa: “Đọc những thiên phóng sự ấy, tôi nhận thấy rằng Vũ Trọng Phụng về mặt phóng sự một lối văn do tôi khởi xướng ra đầu tiên - đã bỏ xa tôi lắm”⁽¹⁾.

Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan nhận xét: “Vũ Trọng Phụng là một nhà văn sở trường về phóng sự

⁽¹⁾ *Tao Đàn*, số đặc biệt về Vũ Trọng Phụng. Tháng 12-1939.

dài... Những tập xuất sắc nhất của ông là *Kỹ nghệ lấy Tây* và *Cơm thầy cơm cô... Cơm thầy cơm cô* là tập phóng sự hay nhất của Vũ Trọng Phụng. Ngòi bút tả chân của ông thật là tuyệt hảo khi ông tả những cảnh nghèo khổ, trong đó chương VII (Bi hài kịch) là một chương tuyệt hay. Vui buồn đủ cả, linh hoạt vô cùng...”. Mặc dù công nhận *Kỹ nghệ lấy Tây* là thiên phóng sự xuất sắc, nhưng Vũ Ngọc Phan lại nhận xét rằng phóng sự này: “Chỉ có giá trị ở những đoạn tả chân nho nhỏ, ở những sen đấu khẩu, sen đánh nhau, những sen gợi tình rất linh hoạt và rất tức cười của mấy cặp vợ chồng. Ở những đoạn ấy, đôi khi người ta thấy một lối tả chân triệt để, làm cho người đọc có cảm tưởng như thấy trước mắt một cảnh tượng bản thủ, ghê gớm”. Ông đánh giá *Lục si*, là một cuộc điều tra về nạn mãi dâm ở Hà Nội, hay là một thiên nghị luận về mãi dâm theo những giấy tờ của Chính phủ thì đúng hơn là một thiên phóng sự”.

Vũ Ngọc Phan còn dành một đoạn đánh giá khái quát về xu hướng văn chương của Vũ Trọng Phụng: “Cây bút của Vũ Trọng Phụng trong những năm đầu là cây bút phóng sự, một cây bút phóng sự sắc sảo và khôn ngoan, sau ông luyện nó ra một cây bút tiểu thuyết, nhưng cái giọng phóng sự vẫn còn”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại*. Tập I. NXB Văn học. TPHCM. 1994. Tr.525.

Trong khi đó nổi lên một số ý kiến phản đối (tuy có ít hơn) nhưng khá gay gắt, tiêu biểu là nhóm các nhà văn trong *Tự Lực văn đoàn*. Thái Phi, Nhất Chi Mai (Nhất Linh) đã đăng một loạt bài viết trên tờ *Tin văn*, *Ngày nay* cực lực công kích cái gọi là: “Văn chương dâm uế”, lớn tiếng buông lời thoá mạ Vũ Trọng Phụng là nhà văn: “Cố nhồi nhét cái dâm uế vào bất cứ chuyện gì mình viết, hoặc việc cái chủ nghĩa tả chân, dụng tâm tả cái dâm uế táo bạo và vì thế thành ra cái sống sượng, khó coi”.

Nhất Chi Mai xô toẹt một cách thẳng thừng: “Văn Vũ Trọng Phụng có nhiều chỗ thật như nhóp, nhiều câu thực sống sượng, trần truồng... phải chăng đó là tấm gương phản chiếu tính tình, lý tưởng của nhà văn nhìn thế giới qua cặp kính đen, có một bộ óc cũng đen và một nguồn văn càng đen nữa”.

Cũng phụ họa theo luận điệu trên, Lê Thanh đã viết trên báo *Đời mới* có ám chỉ cụ thể: “Tôi còn nhớ đến với tất cả sự ghê tởm, cái trào lưu văn chương dâm uế đã xuất hiện trong văn chương xứ ta. Khoảng 1936, mấy tờ báo ở Hà Nội đua nhau trình làng những thể văn khơi tình, gợi dục, những nhà sản xuất thứ văn ấy tự nhận cho mình cái nhiệm vụ khơi ra ánh sáng những cái xấu xa, trụy lạc của xã hội; những lời tình tự của bọn cơm thầy

cơ cô, những cử chỉ trợ trên của gái giang hồ, những hành động hèn mạt của một tầng lớp người mục nát đều được dùng làm tài liệu văn chương... Năm ngoái Chính phủ đã không ngần ngại ra lệnh cấm tiết loại sách khiêu dâm chỉ có cái công dụng gieo rắc mầm trụy lạc vào óc độc giả.”...

Những năm sau hoà bình trên miền Bắc, nhìn chung dư luận vẫn dành cho Vũ Trọng Phụng những trang viết đậm ảm và trăn trọng về các phóng sự của ông. Ông Phan Khôi vẫn tiếp tục tìm tòi, chỉ ra những đóng góp của các phóng sự Vũ Trọng Phụng ở mặt nội dung tố cáo hiện thực: “Chỉ có Vũ Trọng Phụng bộc lộ được cái hiện tượng đau khổ và xấu xa của một khoảng đời dưới thời Pháp thuộc... anh chỉ thông cảm và tố khổ cho hạng người Việt Nam bị coi là cận bã xã hội... Những *Cơm thầy cơm cô*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Cạm bẫy người*... đều được chiếu vào đường lối ấy cả⁽¹⁾.”

Là người gần gũi với Vũ Trọng Phụng, lại chung một thiên hướng sáng tác, Nguyên Hồng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan (và cả Nguyễn Tuân) đều có những nhận xét sâu sắc về các phóng sự của Vũ Trọng Phụng. Nguyên Hồng cho rằng:

⁽¹⁾ Nguyễn Hoàn Khung, Lại Nguyên Ân. *Vũ Trọng Phụng - Con người và tác phẩm*. Nxb Hội Nhà văn. 1994. Tr.162; 175.

“Với hai thiên phóng sự đặc biệt: *Cơm thầy cơm cô và Lục sì*, Vũ Trọng Phụng đã làm rung chuyển cả dư luận văn học tiến bộ của quảng đại quần chúng chống lại bọn thống trị, giành giật quyền sống của mình...”⁽¹⁾.

Vào thời điểm những năm 1956-1958, trên miền Bắc nước ta, cuộc đấu tranh chống Nhân văn - Giai phẩm trở nên quyết liệt. Với cách nhìn nhận phiến diện, nặng về quy kết, định kiến, có những ý kiến có trọng lượng lúc bấy giờ đã lập tức đưa Vũ Trọng Phụng vào phần tử nghi vấn và độc hại. Có người đã khẳng định rằng: “Ở *Cam* bấy người thì có chỗ chửi cộng sản ra mặt”, “Đối với Đảng Cộng sản thì Vũ đã ví Stalin không bằng ông Ấm B...”⁽²⁾

Tình hình trên đã dẫn đến sự phân hoá trong hàng ngũ những người cầm bút. Một số nhà văn dũng cảm và trung thực, hoặc công khai lên tiếng, hoặc kín đáo gián tiếp ủng hộ, khẳng định Vũ Trọng Phụng là ông vua phóng sự; một số khác lập tức trở cò, té nước theo mưa lớn tiếng mạt sát công kích ông. Tuy vậy cuốn *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam*, tập V. 1930-1945, phần I vẫn viết về Vũ Trọng Phụng với những dòng nhận xét tương đối

⁽¹⁾ Nguyễn Hoành Khung, Lại Nguyên Ân. *Vũ Trọng Phụng - Con người và tác phẩm*. Nxb Hội Nhà văn. 1994. Tr.162; 175.

⁽²⁾ Hoàng Văn Hoan - Tập thư viết tay dài 13 trang đánh máy gọi là *Thư huân lưu*.

khách quan. Những thiên phóng sự *Cơm thầy cơm cô*, *Kỹ nghệ lầy Tây*, *Lục sì*, *Cạm bẫy người* vẫn được giới thiệu tóm tắt những nội dung cơ bản, và kết luận: “Những tác phẩm trên đã đưa Vũ Trọng Phụng lên hàng “Ông vua phóng sự đất Bắc””.

Trong khi ấy ở nửa nước phía Nam, các nhà văn, các cây bút phê bình nghiên cứu vẫn tiếp tục nêu khá nhiều ý kiến về phóng sự Vũ Trọng Phụng. Các ông Thanh Lãng, Phạm Thế Ngũ, Nguyễn Hữu Trọng, Thế Phong, Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sỹ, Vũ Bằng, Nguyễn Vỹ... đã đăng hàng loạt bài viết trên nhiều báo và tạp chí ở Sài Gòn. Thanh Lãng viết: “Vũ Trọng Phụng trong *Cạm bẫy người* (1933) cho ta thấy cái xã hội mà Phạm Quỳnh đã từng ca ngợi chỉ là xã hội giả dối, tội lỗi, xấu xa”. Ông Phạm Thế Ngũ phân tích sâu hơn giá trị của bốn thiên phóng sự: *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lầy Tây*, *Cơm thầy cơm cô* và *Lục sì*: “Đọc những thiên phóng sự trên của Vũ Trọng Phụng, ta thấy tất cả những gì gọi là hài hước, bi đát, rùng rợn trong những vết thương xã hội lúc bấy giờ. Ta cũng thấy công phu điều tra, khiêu quan sát lịch duyệt của tác giả. Xuất hiện trong một giới bình dân, từ nhỏ đã lăn lộn với đời, nên Vũ Trọng Phụng đã thấy một phần nào khuynh hướng để làm công việc ấy. Hơn nữa cây bút của ông còn có nhiều đức tính để viết lối văn ấy: Cây

bút tả chân già dặn, linh hoạt như chụp được sự thật, trong những mẩu đối thoại, những sen con con không cần giải thích, bình luận, mà tự nó nói lên tất cả một ý nghĩa... Ông moi móc những vết thương xã hội ấy ra như một người từng biết rõ, từng nằm trong đó, ghé tỏm về những cái đó và nói ra với một giọng mỉa mai, chua chát đôi khi đượm vẻ căm hờn⁽¹⁾.

Đó là những hiện trạng cơ bản về “Ông vua phóng sự” ở vào thời điểm trước năm 1975.

Trong khi các phóng sự của Vũ Trọng Phụng tuy có được bàn cãi, song nhìn chung về căn bản vẫn được dư luận khẳng định, thì ở mảng tiểu thuyết, vấn đề trở nên phức tạp hơn. Ngay sau khi liên tiếp “trình làng” bộ ba: *Giông tố*, *Số đỏ*, *Vỡ đê*, trong cùng một năm 1936, lập tức trên văn đàn dấy lên những cuộc tranh luận gay gắt. Điểm hình cho phe phản đối là nhóm *Tự Lực văn đoàn*.

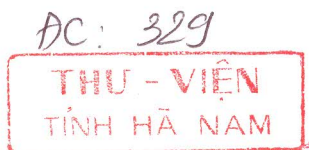
Mộng Sơn đã lớn tiếng hô hào và kích động các độc giả: “Tất cả những bà vợ hiền! Tất cả các bậc cha mẹ săn sóc đến hạnh phúc của con em! Tất cả các cô, các cậu còn ngây thơ, trong trắng, đừng đọc *Làm đĩ*”. Các nhà văn *Tự Lực văn đoàn* đã lợi dụng

⁽¹⁾ Nguyễn Hoàn Khung, Lại Nguyên Ân. *Vũ Trọng Phụng - Con người và tác phẩm*. Nxb Hội Nhà văn. 1994. Tr.254.

và khai thác triệt để hoàn cảnh xã hội, khuấy lên trong đám độc giả thành thị còn mang đậm ý thức hệ phong kiến lúc bấy giờ, chống lại các tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, đã được họ đặt dưới tấm biển “Văn chương dâm uế”. Phải thừa nhận rằng ít nhiều họ đã lôi kéo được một khối lượng độc giả đáng kể.

Giải thích nguyên nhân sâu xa của sự phản đối và bài xích trên có thể thấy sự mâu thuẫn về quan điểm thẩm mỹ giữa một số nhà văn lãng mạn chủ nghĩa và hiện thực chủ nghĩa. Trước thời điểm 1935, dòng văn học lãng mạn do Nhất Linh, Khái Hưng khởi xướng đang phát triển rầm rộ. Hàng loạt tác phẩm của các nhà văn này được phát hành với số lượng lớn, được các công chức tiểu tư sản và thị dân mến mộ, sùng bái. Lối văn ủy mỵ, sướt mướt của những mối tình say đắm, phong trào Âu hoá, vui vẻ trẻ trung do nhóm *Ngày nay* đề xướng đã thực sự mâu thuẫn với phương pháp sáng tác theo khuynh hướng tả chân. Các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, đặc biệt là cuốn *Số đỏ* có nhiều chi tiết “chạm nọc”, khiến *Tự Lực văn đoàn* phản ứng quyết liệt.

Trên phương diện đạo đức, xã hội Việt Nam những năm 30, tư tưởng dân chủ tư sản đã nảy sinh, song về cơ bản hệ tư tưởng phong kiến vẫn



còn ngự trị. Các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng viết quá bạo tay, quá mới lạ, đề cập tới những chuyện buông thả, chuyện “dâm” và “uế”, những cảnh thông dâm, cưỡng dâm, “tả chân” những kỹ nữ, gái điếm, đó là vùng “cấm” trong giáo lý Khổng - Mạnh, nên xã hội chưa đủ sức dung nạp, và tiếp nhận. Ngay Lan Khai - một người bạn thân thiết của Vũ Trọng Phụng cũng viết trong cuốn chuyên luận: *Vũ Trọng Phụng - mở tài liệu cho văn sử Việt Nam* (Minh Phương xuất bản, 1941) cũng đưa ra những ý kiến giải thích khá lạ lùng theo kiểu bệnh lý học: “Sự thực, các vai truyện do anh tạo ra đều chín phần mười là những kẻ đa dâm, có lắm khi rất quái ác. Chính thế, viết văn để tả những cảnh sôi máu đối với Vũ Trọng Phụng tức là một cách hành dâm vậy. Anh đã tìm thấy sự thoả mãn quái gở trong khi anh tưởng mình làm việc tố cáo rất cần cho thuần phong mỹ tục... Anh chỉ là một kẻ ốm, củ chỉ của anh, sự hiểu biết, sự cảm xúc, sự suy nghĩ, tính hình của anh đều là của một kẻ ốm”... Như vậy, chính vì không hiểu đúng căn nguyên, bản chất của vấn đề, Lan Khai đã tỏ ra một người biện hộ vụng về.

Đáp lại nhóm *Tự Lực văn đoàn*, Vũ Trọng Phụng đã tham gia vào cuộc bút chiến với tất cả sự dũng cảm, sắc sảo, danh thép. Ông là đại diện cho các nhà văn tả chân, công khai nêu rõ quan niệm

văn chương của mình: “Xã hội Việt Nam này, thật vậy, đã bắt đầu loạn dân... Đứng trước tình thế ấy mà chỉ khoanh tay đứng kêu: “Ồi! Phong hoá suy đồi” thì nào có ích gì cho ai?”⁽¹⁾

Bước qua những mặt sát, hàn học, Vũ Trọng Phụng dửng cảm nhìn thẳng vào thực trạng xã hội: “Cho cái xã hội chó đều này là hay ho tốt đẹp, rồi ngồi mà đánh phẩn bôi môi hình quả tim để đi đua ngựa, chợ phiên, khiêu vũ, theo ý tôi là giả dối, là tự mình lừa mình và di hoạ cho đời. Nếu không là vô liêm sỉ một cách thành thực”⁽²⁾ Tiếp tục trình bày quan điểm sáng tác của mình, Vũ Trọng Phụng đồng thời vạch trần luận điệu ngụy biện của một số văn sĩ “Tự Lực”: “Các ông quen nhìn một cô gái nháy là một phụ nữ tân thời, vui vẻ trẻ trung, hy sinh cho ái tình, hoặc cách mệnh lại gia đình. Riêng tôi, tôi chỉ thấy đó là một người đàn bà vô học, chẳng có thi vị, lại hư hỏng, lại bất hiếu, bất mục nữa. Tôi không biết gọi gái đĩ là “nàng” - chữ ấy có thi vị lắm...”

Tại sao ta lại không thành thực? Tại sao khi con gái mình, em gái mình hư hỏng, thì mình muốn tự tử, mà con gái hay em gái người khác bỏ chồng, lên đi theo giai mà lại gọi là giải phóng, là bình quyền, là chiến đấu cho hạnh phúc cá nhân?!

(1) Văn Tâm. *Vũ Trọng Phụng - Nhà văn hiện thực*. Nxb Kim Đức. Hà Nội 1957. Tr.16.

(2) Báo *Tương lai*. 25-3-1937.

Đó, thưa các ông, cái chỗ bất đồng ý kiến giữa chúng ta, các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết, tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời”.

Ngày 13-10-1939 Vũ Trọng Phụng qua đời ở tuổi 27. Cái chết đột ngột của một ngòi bút đang ở độ sung sức, còn gửi gắm những hứa hẹn và dự định to lớn vào tương lai đã thực sự gây nên một cơn “sốc” tinh thần lớn lao trong lòng những văn hữu đương thời. Hàng chục nhà văn, nhà nghệ sỹ đã viết bài ca ngợi, khẳng định tài năng đích thực của nhà tiểu thuyết: Lê Tràng Kiều, Xuân Sa, Nguyễn Tuân, Phùng Tất Đắc, Nguyễn Triệu Luật, Ngô Tất Tố, Trương Tửu... Trong con mắt các bạn đồng nghiệp, Vũ Trọng Phụng hiện lên như một nhà văn lớn, tiêu biểu của dòng văn học tả chân. Vũ Ngọc Phan viết trong *Nhà văn hiện đại*: “Ngòi bút ấy, thực là sắc sảo. Nó tả như vẽ, chỉ vài ba nét, người ta đã hình dung được những cảnh vật mà tác giả định tả với những màu sắc linh động vô cùng”⁽¹⁾ Nguyễn Vỹ đánh giá Vũ Trọng Phụng là: “Một trong những đại biểu xứng đáng hơn hết”, Lưu Trọng Lư ca ngợi “Một văn tài lỗi lạc”, Nguyễn Tuân đau đớn thốt lên tiếng kêu xé lòng: “Thằng Phụng còn hứa hẹn cho văn học

⁽¹⁾ Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại*. Tập 1. Nxb Văn học. TPHCM 1994. Tr.297.

nhiều tác phẩm lắm. Sao trong làng văn, những người như thế đã chết mà lắm thằng bất tài khác thì lại cứ sống mãi để anh em sốt cả ruột?”⁽¹⁾ Nhà văn - nhà nho mục thóc Ngô Tất Tố đánh giá văn tài ông qua một dòng rất cô đọng: “Ông Phụng tuy chết, mười mấy tác phẩm của ông vẫn còn sống mãi với mai sau. Thế cũng là thọ”⁽²⁾.

Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954) việc đánh giá Vũ Trọng Phụng tương đối ổn định và sáng sủa. Tất nhiên, ở giai đoạn này việc nghiên cứu thấu đáo về Vũ Trọng Phụng vẫn chưa có điều kiện tiến hành, song trong ấn tượng và ký ức của giới văn học, Vũ Trọng Phụng được nhìn nhận với thái độ trân trọng. Tại *Hội nghị tranh luận văn nghệ Việt Bắc* (9-1949) Tố Hữu đã dành cho Vũ Trọng Phụng những lời ca ngợi sau: “Vũ Trọng Phụng không phải là cách mạng, nhưng cách mạng phải cảm ơn Vũ Trọng Phụng đã vạch rõ cái thực tại xấu xa, thối nát của xã hội lúc ấy. Nếu Vũ Trọng Phụng đi vào cuộc đời cách mạng thì anh đã thành công”.

Đánh giá về các tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, nhà văn Nguyên Hồng - một trong những cây bút tiêu biểu của dòng văn học hiện thực đã ca ngợi sức lao động sáng tạo của Vũ Trọng Phụng: “Nghệ

^{(1) (2)} Trần Hữu Tá. *Vũ Trọng Phụng - Hôm qua và hôm nay*. Nxb TPHCM 1992. Tr.61; 36

thuật phải là sáng tạo. Trong giai đoạn đả phá, tả đúng cũng chưa toát lên được cái hiện thực. Cái xã hội của Xuân tóc đỏ, của bà Phó Đoan, là cái xã hội thối nát nhầy nhụa làm cho người ta ngấy lên. Sáng tạo *Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng đã có một thái độ, thái độ không công nhận cái xã hội ấy. Nếu không, Vũ Trọng Phụng dù có tả nguên cái xã hội ấy, chúng ta cũng không lợm”⁽¹⁾.

Nguyễn Đình Thi, với tư cách là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam còn tiến thêm một bước cao hơn, khẳng định tài năng và tư tưởng căn bản của Vũ Trọng Phụng: “Khi nền nghệ thuật tiến bộ cần đánh đổ một trật tự xã hội, một cách sống, công việc chính của nó là vạch rõ bộ mặt thực của cách sống ấy, của xã hội ấy. Một tác phẩm chép đúng thực tại xã hội cũng đã có giá trị cách mạng rồi (ví dụ *Ban dắc*, Vũ Trọng Phụng). Tiếp đó, trong bài viết cho tạp chí: *Văn học Xô viết* xuất bản bằng tiếng Pháp: *Littérature Soviétique* ông còn gọi Vũ Trọng Phụng là văn hào, là “Tiểu thuyết gia trác tuyệt của văn học Việt Nam”. Khoảng những năm 1956-1957 các nhà văn và các học giả như Đào Duy Anh, Phan Khôi, Hoàng Cầm, Trương Tửu tiếp tục nêu lên những ý kiến khẳng định tư tưởng và tài năng Vũ Trọng Phụng. Đào Duy Anh

⁽¹⁾ Trần Hữu Tá. *Vũ Trọng Phụng - Hôm qua và hôm nay*. Nxb TPHCM 1992. Tr.149

nhắc lại cuộc gặp gỡ một nữ giáo sư Xô viết, với những tình cảm tốt đẹp về Vũ Trọng Phụng: “Chỉ trong khoảng chín năm trời, Vũ Trọng Phụng mà tội ác của xã hội đã cướp mất rất sớm của chúng ta, đã để lại một sự nghiệp lớn lao, nêu lên nhiều vấn đề xã hội căn bản, phản ánh những mâu thuẫn sâu sắc của một thời kỳ lịch sử phong phú nhất, đồng thời đã in sâu trong tâm trí chúng ta nhiều nhân vật điển hình và nhiều lối nói đã trở thành tục ngữ”⁽¹⁾.

Ông Phan Khôi, còn đánh giá cao hơn nữa khuynh hướng sáng tác tiến bộ của nhà văn: “Có thể nói Vũ Trọng Phụng là nhà tiểu thuyết hiện thực phê phán có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa của đêm trước Cách mạng Tháng Tám”⁽²⁾.

Hoàng Cầm thì: “Tôi cảm ơn Vũ Trọng Phụng đã giúp tôi biết cái xấu trước để đánh giá cái tốt ngày nay... Không đọc *Số đỏ*, *Giông tố*, *Vỡ đê* và một loạt tác phẩm khác của Vũ Trọng Phụng, không sống với cái xã hội cũ, thì việc đánh giá cái chế độ vinh quang của chúng ta ngày nay nhất định là thiếu một phần sâu sắc”⁽³⁾.

Trong lời giới thiệu cuốn tiểu thuyết *Vỡ đê*, Trương Tửu cũng viết về Vũ Trọng Phụng với tất

(1) (2) (3). Nguyễn Hoàn Khung, Lại Nguyên Ân. *Vũ Trọng Phụng - Con người và tác phẩm*. Nxb Hội Nhà văn. 1994. Tr.160; 9;7.

cả nhiệt tình: “Vũ Trọng Phụng là một người thợ công đầu của chủ nghĩa hiện thực trong giai đoạn 1930-1940 ở nước ta, ông cũng là một người thợ dũng cảm giàu chí phấn đấu nhất và có ý thức nhất về công việc mình làm... Trong tất cả văn học nước ta khoảng 1930-1940, tôi chưa thấy tác phẩm nào mô tả những cuộc đấu tranh có tính cách quần chúng của nông dân bằng một ngòi bút hiện thực triệt để và đầy thiện cảm như trong quyển *Vỡ đê*. Riêng về điểm này, Vũ Trọng Phụng cũng đã tiến bộ hơn tất cả các nhà văn đương thời với ông...”

Về điểm đề cao những chiến sĩ cộng sản - Vũ Trọng Phụng cũng tiến bộ hơn tất cả các nhà văn hiện thực đương thời với ông”.

Cũng trong những năm 1956-1958 này, còn có một loạt ý kiến tiếp tục dành cho Vũ Trọng Phụng nữa, như Nguyễn Hồng trong *Vũ Trọng Phụng và những tác phẩm của anh*. Ý kiến của nhóm Lê Quý Đôn trong *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*; Văn Tâm trong *Vũ Trọng Phụng, nhà văn hiện thực, Vũ Trọng Phụng qua Giông tố, Vỡ đê và Số đỏ*... Đó là những ý kiến đánh giá đầy thiện chí. Đặc biệt Nguyễn Tuân đã viết: “Chương kết thúc *Giông tố*; đọc đến đây thấy sợ Vũ Trọng Phụng... Chương này là cái đoạn mà thấy tác giả mạnh nhất và cao tay nhất về nghệ thuật. Tôi vừa nói là sợ Vũ Trọng Phụng. Sợ, là hiểu theo cái nghĩa của

những người trong nghề nghiệp văn chương biết kính phục trước một nhân tài, một chân tâm, một cái uy tín trong văn học cận đại nước ta⁽¹⁾”.

Nhóm Lê Quý Đôn nêu lên những nhận xét khá sâu sắc và xác đáng sau: “Trong các nhà văn hiện thực của nước ta trước cách mạng, phải công nhận rằng Vũ Trọng Phụng là một người có địa vị không ai tranh giành được. Ông có một ngòi bút sắc sảo rất phù hợp với lối hiện thực phê bình. Do đó, ông đã nêu lên được nhiều điển hình của xã hội cũ, mà dưới ngòi bút của những nhà văn hiện thực khác ta mới chỉ thấy một đôi nét mờ nhạt. Ông có những ý kiến về luân lý, về giáo dục sai lầm cũng như có một cách nhìn hơi lệch về xã hội tư sản, nhưng trong thực tế đời sống, ông đã dần dần đi đúng đường lối của chúng ta hiện nay. Điều chủ yếu là đối với xã hội tư sản nói chung, đối với những người giàu sang, lúc nào ông cũng giữ được một thái độ căm hờn, thù ghét và đối với giai cấp thống trị, ông dám đưa ra những lời nói mỉa mai độc địa rất táo bạo. Về mặt tư tưởng, ta không thể đòi hỏi ở ông nhiều hơn. Và làm được chừng ấy, ông phải được chúng ta xem trọng⁽²⁾”.

⁽¹⁾ Nguyễn Hoàn Khung. *Lời giới thiệu Văn xuôi lãng mạn Việt Nam*. Tập 1. 1930-1945. Nxb KHXH. Hà Nội.

⁽²⁾ Lê Trí Viễn. *Giáo trình Lịch sử Văn học Việt Nam*. Tập 4B. Nxb Giáo dục Hà Nội 1987. Tr.308.

Thiết tưởng cần phải ghi nhận và nhấn mạnh vị trí của cuốn sách chuyên luận: *Vũ Trọng Phụng nhà văn hiện thực* dày 236 trang của Văn Tâm. Đây là cuốn sách nghiên cứu tương đối hoàn thiện đầu tiên trong khoảng 20 năm trước đó. Văn Tâm đã xem xét, đánh giá và khẳng định những mặt mạnh và những giá trị tiến bộ căn bản của văn chương Vũ Trọng Phụng. Giá trị cuốn sách còn được giữ nguyên trong bối cảnh hôm nay, tuy còn có những hạn chế không tránh khỏi do trình độ tư duy khoa học của giới nghiên cứu văn học lúc ấy.

Để kết thúc chặng đường hơn mười năm này, cần lưu ý đến lời nhận xét của đồng chí Trường Chinh - lãnh tụ của Đảng và Nhà nước ta, phát biểu trong Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (2-1957): “Đối với một số tác phẩm có tính chất hiện thực phê bình như những truyện, phóng sự của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, thơ của Tố Hữu... thì cần nhận rõ: Nền văn nghệ cách mạng của chúng ta là kẻ thừa kế tất cả những giá trị văn nghệ do các thời đại trước tạo ra và truyền lại cho đến ngày nay. Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn và phát triển tất cả các di sản văn nghệ của dân tộc và cũng chỉ có chúng ta mới có thể làm nổi công việc đó”. Nhận định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả trên phương diện lý luận và thực tiễn bởi vị thế đặc biệt của người nói.

Bước sang giai đoạn 1956-1958 tình hình đột ngột thay đổi, Vũ Trọng Phụng và hàng loạt tiểu thuyết của ông lập tức bị đem ra “nghiên cứu” theo kiểu “vạch lá tìm sâu” do bị tư tưởng “chính trị là thống soái” ám ảnh. Một số ngòi bút cơ hội liên lợi dụng tình hình, nhẩy ra lớn tiếng phê phán mạt sát Vũ Trọng Phụng mong tìm chỗ tiến thân. Điều mà hôm qua họ ngợi ca, đề cao thì hôm nay đã trở thành xấu xa, tội lỗi. Vũ Trọng Phụng trở thành “đôi tượng” có vấn đề!

Trong tình hình ấy, một số nhà văn như Phan Cự Đệ đành giữ thái độ trung dung khen một ít, chê một ít. Chỉ có một số bạn văn dũng cảm của Vũ như: Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Bùi Huy Phồn là vẫn giữ lập trường kiên định trước sau như một của mình.

Ở miền Nam, những ý kiến đánh giá về Vũ Trọng Phụng trong suốt 21 năm (1954-1975) cũng giống như đánh giá phóng sự của ông. Trừ một số ít những cây bút chống cộng, đưa những ý kiến đề cao Vũ Trọng Phụng nhằm dụng ý chính trị ra, một loạt các nhà nghiên cứu, nhà văn, các giáo sư đại học nhìn nhận về mảng tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng tương đối khách quan và công bằng.

Dương Nghiễm Mậu, trong một bài viết dài, đăng trên tập san *Văn* số 67 ra ngày 1-10-1966 tại

Sài Gòn viết về Vũ Trọng Phụng đã đánh giá tổng quát về văn nghiệp ông như sau: “Nhưng để lại cho chúng ta một bức hoạ sâu sắc, đầy đủ hơn hết tình trạng xã hội ấy thì phải nói đến những tác phẩm của Vũ Trọng Phụng. Có người nói rằng trong khi còn ở Pháp, Tạ Thu Thâu đã nói muốn biết xã hội Việt Nam ra sao, chỉ cần đọc Vũ Trọng Phụng thì biết. Nếu thế thì quả Tạ Thu Thâu có con mắt tinh đời”.

Còn Trần Hữu Tá thì cho rằng: “Tác phẩm của Vũ Trọng Phụng như một bức thông điệp nhân đạo gửi cho nhân loại với tất cả yêu thương và tin tưởng của một người đã sống và chết đi trong đau khổ, đói rét, bệnh tật - chắc Vũ Trọng Phụng không muốn loài người phải như thế nữa.

Trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng là tất cả thời đại ông sống, trong văn chương tiên chiến, gương mặt thời đại không phải chỉ có trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, nó có mặt trong rất nhiều tác phẩm của nhiều tác giả, nhưng nó kết tinh, nó điển hình đến độ vượt thoát ra khỏi thời đại của nó”⁽¹⁾.

Trong cuốn *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* (tập 3, chương 3, NXB Quốc học Tùng thư Sài Gòn. 1965) ông Phạm Thế Ngũ đã nhận định về

⁽¹⁾ Trần Hữu Tá. *Vũ Trọng Phụng - Hôm qua và hôm nay*. Nxb TPHCM. 1992. Tr.162-169.

tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng. Ông cho rằng Vũ Trọng Phụng là: “Cây bút có gân có sức của ông chuyển vào tả cảnh cũng có một vị trí khác thường... Những nhân vật xỏ lá, lưu manh của ông như Nghị Hách, Vạn tóc mai, Xuân tóc đỏ đã từ lâu trở thành những chân dung bất hủ”.

Nguyễn Hữu Trọng trong bài *Vũ Trọng Phụng - người có “Số đỏ” trong làng văn, nhưng luôn bị “Giông tố” ngoài trường đời* (Văn học Sài Gòn 6-8-1973) đã đặt Vũ Trọng Phụng vào vị trí: “Nhà văn tả chân số một thời tiến chiến... một chân tài hiếm có”. Thế Phong cũng đánh giá về các nhân vật phản diện trong *Giông tố, Số đỏ*: “Nghị Hách, Xuân tóc đỏ, ông Typn, bà Phó Đoan, cụ Cố Hồng... - những nhân vật điển hình mà các nhà nhân chủng học sau này cần nhắc đến”.

Các bạn cũ như Nguyễn Vỹ, Tam Lang, Vũ Bằng... cũng viết khá nhiều bài về Vũ Trọng Phụng với thái độ ca ngợi. Năm 1973, trên tạp chí *Văn học Sài Gòn*, Tam Lang vẫn giữ nguyên thái độ trân trọng và ca ngợi Vũ Trọng Phụng như ông đã từng viết 40 năm trước. Nguyễn Vỹ đã viết một loạt bài, ngay cả sau giải phóng, trong quyển *Văn thi sĩ tiền chiến* cũng đưa ra nhiều dẫn chứng, nhiều ý kiến cụ thể sinh động để phân tích, so sánh và khẳng định văn tài của Vũ Trọng Phụng.

Như vậy trong khoảng hơn 20 năm trước 1975, vấn đề Vũ Trọng Phụng ở nửa Nam đất nước tương đối ổn định và thống nhất.

2. Từ sau năm 1975 tới nay:

Đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi, có kinh nghiệm thực tiễn của quá khứ, có đủ thời gian để sàng lọc cũng như sự thẩm định trên phương diện lý luận để đánh giá lại một loạt vấn đề và hiện tượng văn học. Không khí văn học từng bước được cải thiện, nhất là từ sau thời kỳ đổi mới (1986) tới nay, việc nghiên cứu về Vũ Trọng Phụng có nhiều thuận lợi căn bản. Từ việc tái bản tiểu thuyết *Võ đê* (1982) đến việc dành cho Vũ Trọng Phụng vị trí xứng đáng trong *Từ điển văn học*, và các tác phẩm của ông lại trở về trên bục giảng từ phổ thông tới đại học. Từ năm 1987, bộ tuyển tập Vũ Trọng Phụng (3 tập) ra đời, đến nay đã qua nhiều lần tái bản, một loạt tác phẩm khác cũng lần lượt được in ra rộng rãi. *Giông tố*, *Số đỏ* được đưa lên màn ảnh, được dư luận và công chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Hàng loạt các nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà báo dành nhiều trang viết, đánh giá, ngợi ca Vũ Trọng Phụng như: Nguyễn Khải, Vương Trí Nhàn, Lại Nguyên Ân, Phong Lê, Hoàng Thiếu Sơn, Chế Lan Viên, Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Hoàng Khung, Văn Tâm, Lê Thị Đức

Hạnh, Trần Hữu Tá... Lưu Trọng Lư, Bùi Huy Phồn... đã thẩm định lại những giá trị đích thực của Vũ Trọng Phụng trên bình diện khác nhau: Bình diện thể loại, bình diện tác phẩm, bình diện ngôn ngữ... làm sáng thêm những giá trị và tài năng văn học đa chiều của Vũ Trọng Phụng.

Trong Đại hội nhà văn toàn quốc lần thứ 3 (9-1983) Nguyễn Khải đã công khai đánh giá *Số đỏ* là: “Một cuốn sách ghê gớm có thể làm vinh dự cho mọi nền văn học”. Cuối năm 1987 hội thảo về Vũ Trọng Phụng được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, năm 1989, hội thảo tại Hà Nội, hàng chục nhà văn, nhà nghiên cứu có tên tuổi đã phát biểu hàng loạt ý kiến đặc sắc. Giáo sư Phong Lê đặt mạnh vấn đề: “Những gì của Xeda phải trả lại cho Xeda”. Tháng 12-1989, báo *Giáo viên nhân dân* ra số đặc biệt: “Nhìn nhận lại một số hiện tượng văn học”, dành nhiều bài viết về Vũ Trọng Phụng.

Giáo sư Hoàng Thiểu Sơn coi *Số đỏ* là: “Một bộ sử thi về xã hội thành thị Việt Nam”, nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến đã viện dẫn lời giới thiệu của Nhà xuất bản khi in và giới thiệu *Số đỏ*: “Cho đến nay, hình như vẫn còn là một hiện tượng không tiền, khoáng hậu”. Vương Trí Nhàn trong bài viết: “Một lớp người thành thị, một kiểu nhà văn” đã đặt mạnh vấn đề: “Một lúc nào đó, tôi ngờ

rằng trong một cuốn từ điển làm riêng về văn học Việt Nam người ta sẽ gọi Vũ Trọng Phụng là nhà văn của thế kỷ XX”. Cả một không khí tung bừng hồ hởi đang lan toả trong xã hội.

Phải đặc biệt kể đến công lao của ba Giáo sư: Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Hoàn Khung, Trần Hữu Tá. Ba ông chẳng những đã dành cho Vũ Trọng Phụng hàng chục bài nghiên cứu quan trọng, có ý nghĩa soi sáng trên nhiều mặt cơ bản, mà còn là những người trực tiếp theo dõi việc in ấn, xuất bản, tái bản các tác phẩm của nhà văn, các công trình nghiên cứu, xuất bản các tổng tập, tuyển tập và *Từ điển văn học*. Đó là những đóng góp to lớn và tích cực trong việc mở ra hướng tiếp cận thuận lợi cho công việc khảo sát và nghiên cứu về Vũ Trọng Phụng.

Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh, trong một loạt bài nghiên cứu của mình như: *Nhà văn, tư tưởng, phong cách, Lời giới thiệu tuyển tập Vũ Trọng Phụng, Lời giới thiệu hai tập phóng sự Kỹ nghệ lấy Tây, Cơm thầy cơm cô, Dạy văn ở trường phổ thông cấp II, Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn với các bài: Đọc lại Giông tố, Số đỏ và tài nghệ Vũ Trọng Phụng...* Ông đã đề xuất và tháo gỡ hàng loạt vấn đề “quan trọng và toàn diện, đánh giá từng giai đoạn sáng tác của nhà văn, đồng thời chỉ rõ những thành

công và hạn chế, ưu điểm và nhược điểm, truy tìm nguyên nhân chủ quan và khách quan, xa và gần dẫn đến tính chất phong phú, sinh động nhưng phức tạp của hiện tượng văn học này⁽¹⁾.

Giáo sư Nguyễn Hoàn Khung là người phụ trách chính các mục từ liên quan đến Vũ Trọng Phụng trong *Từ điển Văn học*, phân phóng sự của Vũ Trọng Phụng trong *Tổng tập văn học* và bài viết trong *Lịch sử Văn học Việt Nam 1930-1945* bài viết đăng trên đặc san *Nhìn nhận lại một số hiện tượng văn học* (Báo Giáo viên nhân dân tháng 12-1989); lời cuối sách trong *Vũ Trọng Phụng, con người và tác phẩm* (1994). Những ý kiến và kiến giải sâu sắc của ông đã làm sáng tỏ và sâu sắc thêm nhiều vấn đề quan trọng.

Tiếp thu ý kiến của nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu đi trước, trong bối cảnh văn học hiện đại có nhiều thuận lợi, chúng tôi sẽ tập trung vào việc khảo sát Vũ Trọng Phụng trên hai thể loại *phóng sự* và *tiểu thuyết phóng sự* trên cơ sở lý thuyết, thể loại, góp phần đánh giá công lao đóng góp quan trọng của nhà văn đối với lịch sử văn học Việt Nam hiện đại; thêm một tiếng nói giải toả nghi án về ông.

Trong khi nghiên cứu và kế thừa hơn 200 bài viết và nghiên cứu về Vũ Trọng Phụng trong đó có

(1) Trần Hữu Tá. *Vũ Trọng Phụng - Hôm qua và hôm nay*. Nxb TP HCM 1992. Tr.24.

nhiều luận văn tiến sĩ, thạc sĩ chúng tôi nhận thấy đánh giá, xác định tài năng của nhà văn này về cơ bản đã được đề cập. Tuy vậy, qua việc điểm duyệt các bài viết, các công trình trên về Vũ Trọng Phụng, chúng tôi nhận thấy:

- Hầu như tất cả đều nhận định nhất trí về sở trường, tài nghệ của Vũ Trọng Phụng về hai thể văn *phóng sự* và *tiểu thuyết*.

- Chưa có nhiều tác phẩm nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện, đặc biệt về *tiểu thuyết*, không đề cập tới *tiểu thuyết phóng sự* với tư cách là một thể loại hẹp của *tiểu thuyết hiện thực* - sở trường đặc biệt của Vũ Trọng Phụng.

Chúng tôi hy vọng cuốn sách này sẽ tiếp tục đi sâu vào việc nghiên cứu, góp phần giải quyết một cách hệ thống hơn, toàn diện hơn trên hai bình diện *phóng sự* và *tiểu thuyết phóng sự* của Vũ Trọng Phụng, làm rõ hơn sở trường đặc sắc và những cống hiến đặc biệt của ông đối với lịch sử văn học.

Chương Một

KHÁI NIỆM PHÓNG SỰ. ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THỂ PHÓNG SỰ Ở VIỆT NAM

I. VỀ KHÁI NIỆM PHÓNG SỰ

Cho đến nay, trải qua gần một thế kỷ phát triển và đạt được những thành tựu rực rỡ, lý luận về thể văn phóng sự ngày càng được bổ sung, phát triển và từng bước hoàn thiện.

Nhiều nhà nghiên cứu phương Tây - cái nôi sản sinh ra thể văn phóng sự - đã cho rằng thể loại phóng sự ra đời rất sớm, từ thế kỷ 16, cùng với sự xuất hiện của báo chí và các phương tiện in ấn công nghiệp. Song khi mới ra đời, phóng sự còn mang nặng tính chất thông tin giản đơn về các sự kiện.

Giáo sư Caren Xơ dạy tại khoa Báo chí trường Đại học Sóc Lơ (Tiệp Khắc cũ) cho rằng phóng sự

đã xuất hiện đầu tiên trên đất nước Anh với nội dung là “Sự mô tả một kỳ họp Quốc hội, những trận lụt, những đám cháy và những cuộc chiến tranh”.

Người Pháp quan niệm rằng “Phóng sự là những bài viết của các phóng viên trong quá trình điều tra về các sự việc, hiện tượng có chứa đựng những điều bí ẩn”.

Trong khi ấy, vào thế kỷ 18-19, người Đức cũng chỉ coi phóng sự “là sự đưa tin một cách giản đơn” rất gần với những văn bản thông báo tin tức.

Nhà văn, nhà báo người Mỹ Mac Tuên cũng coi phóng sự chỉ là “sự ghi lại một cách đơn giản và máy móc về những con người và sự kiện, không bao hàm yếu tố sáng tạo”.

Chính vì thế các cuốn từ điển cũ của Đức đã định nghĩa phóng sự như một thông báo tin tức. Từ điển của Mỹ cũng viết: “Phóng sự là sự mô tả, tường thuật một cuộc họp Quốc hội”.

Mặc dù vậy, thể phóng sự mới thật sự phát triển mạnh mẽ trên thế giới, nhất là ở các nước Âu - Mỹ từ sau đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918) với những tên tuổi như Giăng Cốcô; Girôctơ Gira, Ăngđrê Môroa. Phóng sự đã bỏ qua thời kỳ giản đơn và ấu trĩ phản ánh các tin tức và sự kiện, vươn lên tìm tòi và phát hiện những hình thức biểu đạt

mới, phản ánh những khuynh hướng xã hội và đạo đức thời đại, chiếm lĩnh những mảng hiện thực xã hội rộng lớn, trở thành một thể tư liệu giàu thông tin, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Không khí bức xúc nóng bỏng có quy mô của những biến động mang tính toàn cầu của thế chiến I; của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga long trời lở đất, đã thực sự là mảnh đất màu mỡ cho hàng loạt những thiên phóng sự ưu tú ra đời như: *Mười ngày rung chuyển thế giới* của nhà báo Mỹ Giôn Rít, viết về cuộc Cách mạng Tháng Mười; *Vượt qua núi Anpơ* của Hali Bóc-ton; *Viết dưới giá treo cổ* của Giuliut Phuxích...

Dẫu sao, phóng sự vẫn và đang là thể loại hết sức trẻ trung, đang được tiếp tục hoàn thiện và phát triển từng bước. Có lẽ vì vậy mà cho đến nay, việc tìm ra một định nghĩa thật chuẩn mực và thống nhất về thể loại phóng sự, vẫn còn là một công việc không mấy dễ dàng. Ngay trong cuốn *Từ điển Nga*, người Nga cũng đã dùng tới 3 từ: РЕПОРТАЖ, ОТЧЁТ, КОРРЕСПОНДЕНЦИЯ để chỉ chung một khái niệm phóng sự: *Cuốn Từ điển Nga - Việt*, do Nhà xuất bản Tiếng Nga, Mátxcova in năm 1977. Tập 2, trang 273 cũng chỉ định nghĩa phóng sự rất giản lược là:

1. Bài, sự tường thuật về một sự việc (trận đấu bóng).

2. Sự việc tường thuật.

Ngay cuốn *Từ điển Ôgigôp* - một cuốn từ điển lớn của Nga, xuất bản tại Máxcơva năm 1984 cũng định nghĩa phóng sự (trang 589) như sau:

1. Thông báo về các tin tức, sự kiện (trên báo viết, báo nói, báo hình).

2. Tường thuật công việc.

Người Trung Quốc cũng quan niệm về phóng sự một cách khá rộng rãi với các từ: Ký sự, thông tấn, phỏng vấn ký, trát ký và báo cáo văn học⁽¹⁾. Cuốn *Từ Hải* (Biển từ) do Nhà xuất bản từ thư Thượng Hải tái bản năm 1989 đã định nghĩa phóng sự (trang 1188) với hai nội dung:

1. Một thể loại báo chí có khả năng phản ánh sinh động và khách quan về người và việc điển hình, có thể dùng lối trần thuật, miêu tả, nghị luận... thường giúp giới thiệu con người và sự việc, các kinh nghiệm công tác.

2. Chỉ các loại thư tín chuyển đạt qua đường bưu điện (từ điện tín).

Giáo sư Prômin thuộc khoa Báo chí Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp cũng đã đưa ra định

⁽¹⁾ *Từ điển Việt - Hán*. Nhà xuất bản Giáo dục 1995. Tr.869.

nghĩa: “Phóng sự là một cách đặc biệt để thông tin về một sự việc, như sự việc đó diễn ra trước mắt người viết... Thực chất phóng sự là đưa tin về hoạt động của con người, nghĩa là trước hết phải nêu được những hoạt động của con người”⁽¹⁾.

Ở nước ta, phóng sự mới chỉ thực sự phát triển từ thập kỷ 30 nhưng mau chóng đạt được những thành tựu rực rỡ, đóng vai trò là một trong những “thể văn xung kích” trên mặt trận báo chí. Đã có hàng loạt nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu của ta, từ trong thực tiễn sống động của xã hội và sự chiêm nghiệm của chính mình qua thể tài phóng sự, đã đưa ra khá nhiều định nghĩa về thể loại này.

Cuốn *Từ điển tiếng Việt* (do NXB Khoa học xã hội in năm 1967) nêu ra định nghĩa: “Phóng sự là thể loại văn chú trọng diễn tả sự thật mà anh trông thấy và giải pháp các vấn đề do sự thật ấy nêu ra”. *Từ điển học sinh* lại cho rằng: “Phóng sự là thể văn phản ánh, phân tích kịp thời những sự việc tai nghe, mắt thấy có tính chất điều tra”. Nhà nghiên cứu Nguyễn Xuân Nam viết: “Giá trị của một phóng sự trước hết ở vấn đề nó nêu ra là cấp thiết, có bằng chứng cụ thể, xác thực (số liệu, biểu đồ, bản thống kê, tư liệu khoa học) và kết luận gợi

⁽¹⁾ *Công tác báo chí*. Tập 2. Nxb Hà Nội. 1982. Tr.33.

lên là đúng đắn. Phóng sự sẽ có thêm giá trị văn học khi nó đi sâu khắc hoạ thế giới nội tâm, miêu tả tính cách nhân vật, với lời văn giàu hình ảnh và cảm xúc”. “Phóng sự là một thể thuộc loại ký, nhằm ghi chép cụ thể tình hình một vấn đề, một sự việc nào đó có ý nghĩa thời sự. So với tùy bút, bút ký, phóng sự có mục đích cụ thể, trực tiếp, phạm vi sự việc và địa điểm được quy định chặt chẽ. Đó là thể văn gần với khoa học hơn là nghệ thuật, giàu yếu tố thông tin hơn là yếu tố trữ tình”⁽¹⁾. Cũng gần với ý kiến trên, Giáo sư Phương Lựu đã đặt phóng sự vào *nhóm thể ký phi cốt truyện* theo kết cấu - liên tưởng, trong đó “xen kẽ giữa sự kiện, con người với những đoạn nghị luận trữ tình với tỷ lệ khá lớn của nhân vật trần thuật”⁽²⁾.

Giáo sư Hà Minh Đức cũng đã trình bày quan điểm của mình: “Phóng sự cũng gần gũi với ký sự, cả hai thể loại đều quan tâm đến việc ghi chép, phản ánh những sự kiện mới trong đời sống khách quan, cả hai đều có thể mở rộng quy mô phản ánh đến mức thể hiện trọn vẹn một sự kiện lớn trong xã hội. Những chỗ khác nhau giữa ký sự và phóng sự cũng khá rõ rệt. Phóng sự đặc biệt chú ý đến tính chất thời sự của hiện tượng xã hội đang được

⁽¹⁾ *Từ điển văn học*. Tập 2. Nxb KHXH. 1984. Tr.220.

⁽²⁾ *Lý luận văn học*. Tập 2. Nxb Giáo dục. 1987. Tr.298.

quan tâm chung, và mọi người muốn được tìm hiểu và giải đáp. Cũng vì thế phóng sự phải kịp thời. Một phóng sự mất thời gian tính sẽ hạn chế hẳn tác dụng. Sự kiện lịch sử mà phóng sự quan tâm phản ánh thường bao hàm ở dạng vấn đề, một vấn đề được làm sáng tỏ, được trình bày cụ thể và người viết cũng bộc lộ rõ chính kiến và thái độ giải quyết⁽¹⁾.

Nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến, trong khi so sánh các đặc điểm về thể loại đã nhận xét: “Có lẽ phóng sự là tiểu loại ký báo chí hơn cả”⁽²⁾. Tác giả Đức Dũng, trong cuốn *Ký báo chí* do NXB Thông tin ấn hành năm 1992, trang 60 đã đưa ra định nghĩa về phóng sự: “Là thể loại đứng giữa văn học và báo chí, có khả năng trình bày, diễn tả những sự kiện, con người, tình huống điển hình trong một quá trình phát sinh, phát triển, đồng thời thâm định hiện thực đó thông qua cái tôi trần thuật, vừa tỉnh táo, lý trí vừa cảm xúc với một bút pháp giàu tính văn học”.

Như vậy, trải qua một quá trình vận động và phát triển, lý luận về phóng sự ngày một hình thành và từng bước được phát triển, từng bước được cụ thể hoá, có đường nét, có góc cạnh rõ ràng.

(1) Hà Minh Đức. *Ký viết về chiến tranh Cách mạng và Xây dựng CNXH*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà Nội 1990. Tr.71.

(2) Hoàng Ngọc Hiến. *Năm bài giảng về thể loại*. Trường viết văn Nguyễn Du. Hà Nội 1992. Tr.60.

Thể loại phóng sự trên thế giới và ở nước ta đến nay đã dần dần ổn định và trở thành một chỉnh thể có nội dung và hình thức khu biệt. Nó nằm trong nhóm ba (nhóm ký báo chí) của hệ thống thể loại báo chí, có diện mạo riêng, có lý luận thể loại riêng. Ở phương Tây đã đúc kết nội dung phóng sự thành công thức 5 W; tương ứng với 5 câu hỏi What: Cái gì đã xảy ra? Where: Sự việc xảy ra ở đâu? When: Xảy ra vào lúc nào? Who: Có những nhân vật nào? Why: Tại sao lại xảy ra?

Thực tế phát triển của trào lưu phóng sự trong và ngoài nước còn chỉ ra rằng ngoài việc nhằm giải đáp các vấn đề theo nội dung 5 W đã nêu, phóng sự muốn vươn tới sự phản ánh sâu sắc trên phương diện nội dung và tư tưởng, thường dành khá nhiều công sức để đưa ra những kiến nghị và giải pháp, tức là tạo ra hướng mở để giải quyết triệt để, tận gốc vấn đề. Đó là phần kết của mỗi phóng sự, tuy không dài dòng nhưng lại tập trung được sức nặng, có ý nghĩa quan trọng đối với tác phẩm.

Như vậy, với tư cách là “Thể văn xung kích” trong nhóm ký báo chí, phóng sự đã thực sự phát huy được sức mạnh của mình trong việc phản ánh những sự việc, hiện tượng nổi bật và bức xúc của thời cuộc với những hình thức biểu hiện đa dạng phong phú bằng sự phản ánh kịp thời, sâu sắc và rộng lớn của mình.

II. ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THỂ PHÓNG SỰ Ở NƯỚC TA

1. Xã hội Việt Nam trong buổi giao thời

Bước vào thập kỷ 20, xã hội Việt Nam có những chuyển động dữ dội. Sau sáu mươi năm tiếp xúc với phương Tây, lịch sử dân tộc bắt đầu nảy sinh những biến thiên lớn lao, tạo ra những biến đổi tận gốc trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá.

Từ xã hội phong kiến với nhịp sống chảy trôi bình lặng của nền văn minh nông nghiệp, với nếp sống tôn ty, trật tự và nền kinh tế tự cấp tự túc, đất nước bước sang xã hội thực dân nửa phong kiến với những hình thái kinh tế của thời kỳ tiền công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Xã hội Việt Nam bắt đầu có những đổi thay sâu sắc.

a. Đổi thay về phương diện chính trị - xã hội:

Kể từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, tiến công vào cửa biển Đà Nẵng ngày 1-9-1859; bước sang những năm đầu thế kỷ, trên căn bản chúng đã tạm bình định xong các cuộc khởi nghĩa và nổi dậy của các phong trào yêu nước. Toàn bộ quyền bính đều thu tóm trong tay thực dân Pháp, chúng thiết lập một chế độ cai trị hà khắc, tàn bạo, dựa trên sức mạnh của bạo lực và chính sách ngu

dân. Trên đất nước, mọc lên nhan nhản các hãng rượu ty, tiệm thuốc phiện, các ổ mại dâm. Với âm mưu duy trì ách thống trị lâu dài, thực dân Pháp “nặn” ra một lũ quan lại tay sai bản xứ, trung thành, cúc cung tận tụy với mẫu quốc. Chính thể Nam triều chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, vua là bù nhìn, chỉ có hư vị, không có thực quyền, chỉ cần có biểu hiện hơi trái ý với nhà nước bảo hộ là lập tức bị lật đổ, bị lưu đày. Tám gương các bậc quân vương như Hàm Nghi, Duy Tân, Thành Thái là những thí dụ khá điển hình.

Bàn tay cai trị của bọn cướp nước nhúng sâu đến tận đáy xã hội, tận ngõ ngách, xó xỉnh của xóm thôn, đường phố, khiến xã hội ngày càng trở nên ngột ngạt. Đây là thời đại của khủng hoảng xã hội, của các tấn bi kịch: Bi kịch lịch sử, bi kịch xã hội, bi kịch trong từng tầng lớp, từng cá nhân. Xã hội phong kiến hàng nghìn năm phút chốc trở nên hỗn loạn, đầy những cảnh tang thương, đau bể. Biết bao chuyện nhục nhơ, đồi phong bại tục đã xảy ra, biết bao tệ nạn làm băng hoại nhân phẩm. Xã hội đảo điên như bị cuốn vào một cơn dông tố dữ dội. Cuộc sống chứa đựng đầy áp các sự kiện làm người ta phải chóng mặt.

Tại các đô thị, lối sống mới theo kiểu Tây phương cũng bắt đầu gõ cửa từng gia đình. Lớp thanh niên

học sinh, cùng với những thầy phán, ông thông, cậu bồi, bác bếp, từng bước làm quen với lối sống Âu hoá.

Sự hình thành lối sống mới gây nên những sự xung đột về tâm lý, về quan niệm sống, xung đột giữa hệ tư tưởng và nếp sống phong kiến truyền thống với văn minh Âu Tây. Phong trào Âu hoá, vui vẻ trẻ trung, phong trào đua xe đạp, thi đấu thể thao Ducuaroa, tổ chức phụ nữ thi sắc đẹp, mặc quần soóc, v.v... lôi cuốn mạnh mẽ thế hệ trẻ, khiến họ quên đi cái nhục mất nước.

b. Những biến đổi trong đời sống kinh tế:

Cùng với sự đổ bộ của chủ nghĩa thực dân là sự phát triển của khoa học kỹ thuật nhằm mục đích phục vụ bọn đế quốc thống trị và đẩy mạnh việc vơ vét, bóc lột. Sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp ráo riết bắt tay vào cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai trên quy mô rộng lớn với mức độ sâu sắc gấp bội so với cuộc khai thác lần đầu. Hình thành các trung tâm kinh tế tại các thành phố lớn trong cả nước: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Huế, Sài Gòn, v.v... những hầm mỏ khai thác than, khoáng sản, những thành phố dệt, những nhà máy cơ khí, nhà máy điện. Máy móc và các phương tiện cơ giới: Tàu hoả, ô-tô, tàu thủy, xe điện, v.v... ra đời khiến bộ mặt kinh tế, xã hội có vẻ

sâu uất hơn. Giai cấp tư sản mại bản và tư bản dân tộc ra đời, lần đầu tiên trong lịch sử nền kinh tế thị trường với quy luật cạnh tranh khốc liệt thực sự xuất hiện, các ngành ngoại thương, công nghiệp, dịch vụ bắt đầu tách ra và phát triển độc lập. Nền kinh tế xã hội chuyển lần từng bước từ hình thái kinh tế phong kiến bảo thủ, trọng nông, sang hình thái kinh tế tiền tư bản. Một số tư sản dân tộc như Bạch Thái Bưởi, Bùi Huy Tín, đã vươn lên trên con đường kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Tuy vậy họ vẫn bị thực dân, đế quốc chèn ép dữ dội, nguy cơ phá sản lúc nào cũng thường trực, đe dọa trực tiếp các tư sản bản địa đang trong giai đoạn tích tụ, manh nha.

c. Những tiền đề văn hoá:

Hình thành một tầng lớp trí thức bản địa và tiểu thị dân có lối sống mới, có nhu cầu cấp bách về hưởng thụ văn hoá, muốn nắm bắt những lượng thông tin sốt dẻo, cập nhật.

Trên phương diện kỹ thuật, các phương tiện in ấn hiện đại đã ra đời, thay thế cho lối khắc in bằng mộc bản thủ công. Năm 1861 xuất hiện xưởng in tipô đầu tiên với 4 công nhân cùng với máy móc và quy trình sản xuất đồng bộ được đưa từ Pháp sang.

Năm 1865 ra đời thêm xưởng in thứ hai của nhà nước bảo hộ. *Gia Định báo* là tờ báo Quốc ngữ

đầu tiên xuất hiện. Cho đến cuối thế kỷ XIX hệ thống các nhà máy in trong cả nước, phần lớn do các chủ người Pháp quản lý đã hình thành: Imprimerie C.Guiland et Martion (1867); Imprimerie Mission (1884), Imprimerie Ray et Curiol (1886). Đến năm 1905 nhà in Viễn Đông (IDEO) được thành lập tại Hà Nội để hơn 20 năm sau, chính Vũ Trọng Phụng đã có lúc trở thành viên chức ở đây. Tiếp sau IDEO là các nhà in Nordmas (1905) và Đông Kinh (1907) - Hàng loạt Nhà xuất bản: Tín Đức, Đức Lưu Phương, Tân Dân, Hàn Thuyên, Minh Đức, Chân Phương, Nam Ký, được xây dựng tạo thành những điều kiện tiền đề quyết định cho sự phát triển của văn học và báo chí.

Vào cuối thập kỷ 20, tổng số viên chức, học sinh, sinh viên thành thị đã đạt tới trên 25 vạn. Đây là một lực lượng trí thức không nhỏ, so với xã hội phong kiến trước đây. Một loạt trí thức cao cấp được đào tạo từ chính quốc và trường Pháp Việt giành được những học vị cao: Luật khoa tiến sĩ, cử nhân văn chương, cử nhân khoa học, cao đẳng sư phạm... Rất nhiều người trong số họ có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc, muốn góp phần vào các hoạt động cải cách kinh tế và văn hoá nước nhà. Trừ một số ít trung thành, làm tay sai cho Pháp, số còn lại ít nhiều đều có tinh thần dân tộc, ghét thực dân, xâm lược, yêu nước, thương nòi.

Những cuộc vận động theo những xu hướng khác nhau đang diễn ra. Cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (Trung Quốc), Cách mạng Tháng Mười theo khuynh hướng vô sản từ Nga, ảnh hưởng của sách báo cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ hải ngoại bí mật gửi về trong nước.

Sự xuất hiện của hàng loạt nhà in, nhà xuất bản đã tạo điều kiện cho báo chí ra đời và phát triển. Đó là phương tiện chuyển tải đắc lực nhất để truyền bá thông tin và các tác phẩm văn chương. Theo thống kê, vào thời điểm năm 1865 trên cả nước ta mới có một tờ *Gia Định báo*, tới đầu năm 1925 trên khắp ba kỳ đã có 35 đầu báo khác nhau. Bảy năm sau (1932) con số này đã vọt lên tới 132 tờ. Như một phản ứng dây chuyền, báo chí bùng nổ kéo theo sự bùng nổ của văn học. Cho đến cuối thập kỷ 20 đầu 30 báo chí và văn học đã thực sự trở thành hàng hoá có vai trò to lớn trong đời sống văn hoá xã hội.

d. Sơ lược tình hình văn học và báo chí:

Thập kỷ 20 có thể coi là giai đoạn bản lề, có tính quá độ của văn học Việt Nam. Các thể loại văn học tiếp tục ra đời, định hình và phát triển, song rõ rệt nhất là truyện ngắn và tiểu thuyết. Phạm Duy Tốn ngay từ 1918 đã viết truyện ngắn

Sống chết mặc bay, tiếp sau đó là các tác phẩm *Giọt lệ hồng lâu* (1921), *Tố Tâm* (1925) của Hoàng Ngọc Phách, *Quả dưa đỏ* (1926) của Nguyễn Trọng Thuật, v.v... Đây cũng là thời kỳ xuất hiện của tiểu thuyết Việt Nam theo khuynh hướng hiện đại. Do có điều kiện tiếp xúc với phương Tây sớm hơn nên văn xuôi Quốc ngữ và tiểu thuyết hiện đại Việt Nam được bắt đầu từ Nam Bộ với các tên tuổi: Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Hồ Biểu Chánh, Trần Thiện Chung, Bửu Đình, Phú Đức, Trần Chánh Chiếu, Trương Duy Toàn, Nguyễn Hoàng Mưu... Riêng Hồ Biểu Chánh trước 1930 đã cho ra đời hơn chục cuốn tiểu thuyết, có thể coi là nhà tiểu thuyết lớn nhất thời ấy. Mặc dù vậy, có lẽ do thiếu một nền tảng sâu sắc của truyền thống văn học dân tộc, tiểu thuyết Nam Bộ tuy phát triển sớm nhưng không đủ sức tiến lên trên con đường cách tân văn học và đạt tới những giá trị nghệ thuật cao có ảnh hưởng rộng rãi trong cả nước. Suốt mấy chục năm của nửa cuối thế kỷ XIX và 20 năm đầu thế kỷ XX, nó hầu như vẫn trong tình trạng dậm chân tại chỗ. Trong khi ấy, tại cái nôi văn học lâu đời của xứ Bắc, cuộc cách tân, hiện đại hoá văn học lại âm thầm chuyển động với một sự tăng tốc phi thường. Đến giữa thập kỷ thứ hai đã xuất hiện một số cây bút có tên tuổi, nổi bật lên trong làng văn cả nước: Phạm Duy Tốn,

Nguyễn Bá Học, Đặng Trần Phát, Trọng Kiêm, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Trọng Thuật.

Năm 1924, cuốn tiểu thuyết *Kim Anh lệ sử* của Trọng Khiêm, do Đông Kinh ấn quán phố Hàng Gai ấn hành đã ra đời.

Năm 1925, tiểu thuyết *Tố Tâm* thực sự gây nên sự chấn động trong dư luận. Hoàng Ngọc Phách đã cầm một cái mồi quyết định, tạo ra bước ngoặt cho văn chương chuyển từ phạm trù trung đại sang phạm trù hiện đại.

Năm 1926, tiểu thuyết *Nho phong* của Nguyễn Tường Tam ra đời.

Như vậy cho đến cuối những năm 20, đầu 30, nền văn học dân tộc đã chuyển làn. Thể loại tiểu thuyết hình thành từ Nam Bộ, được định hình và phát triển chín muồi tại Bắc Bộ. Các khuynh hướng văn học từng bước hình thành.

e. Sự xâm nhập lẫn nhau giữa văn và báo:

Trong buổi giao thời mới cũ ở Việt Nam đã nảy sinh một hiện tượng khá đặc biệt: Đó là tình trạng văn - sử, văn - báo bất phân... Nói đúng ra báo chí cùng với chữ Quốc ngữ, ít nhiều đã ra đời trước. Trong buổi ban đầu ấy, báo chí đã từng kiêm luôn

cả vai trò xuất bản, có lúc lại là phương tiện truyền thông duy nhất để chuyển tải văn chương. Các toà soạn - các trung tâm báo chí trong buổi đầu quá độ ấy vừa là nơi hội tụ và đào tạo các anh tài văn học, vừa in ấn và truyền bá tác phẩm của họ, đồng thời cũng là người tổ chức, xây dựng mạng lưới độc giả trong cả nước, với một khối lượng tác phẩm không ngừng tăng vọt.

Nhiều thể loại văn học - báo chí nhanh chóng ra đời và phát triển với tốc độ nhanh, phóng sự, ký sự, hồi ký, bút ký, tùy bút, chính luận, v.v... Song trong buổi đầu “vừa chạy vừa xếp hàng” ấy cũng khó tránh khỏi tình trạng ấu trĩ và ngộ nhận trong văn chương. Hiện tượng đan xen, thậm chí còn chưa tách bạch thể loại trên thực tế là điều khá phổ biến. Trong khi ở miền Nam, nhiều cây bút viết văn na ná như làm báo, thì trên đất Bắc lại có tình trạng viết báo như văn. Mỗi tác giả tự đặt ra một quan niệm, một lối xây dựng, một kiểu cấu trúc tác phẩm theo kiểu riêng của mình. Các bộ môn lý luận phê bình cũng còn đang ở giai đoạn sơ khai, chưa chỉ ra đúng những đặc trưng thẩm mỹ thể loại, chưa đóng vai trò đồng nghiệp, đồng hành và hướng dẫn người sáng tác. Có hiện tượng lẫn lộn giữa hai thể loại tiểu thuyết và phóng sự, truyện dài là tập hợp nhiều truyện ngắn đứng cạnh nhau.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đặc biệt chú ý tới cuốn tiểu thuyết *Kim Anh lệ sử* của Trọng Khiêm. Đây là cuốn tiểu thuyết mà trong đó tác giả dường như có nhu cầu kết hợp hai thể loại vào trong thế giới nghệ thuật của tiểu thuyết. Song do hạn chế của lịch sử, ý tưởng này của nhà văn đã không đi tới thành công. Mặc dù vậy nó đã để lại cho lớp người đi sau như Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng những bài học quý báu trên phương diện kết cấu thể loại. Việc nghiên cứu thấu đáo *Kim Anh lệ sử* sẽ giúp chúng ta hiểu sâu hơn về Vũ Trọng Phụng với 2 thể loại phóng sự và tiểu thuyết phóng sự - những thể loại đã đưa ông vươn tới những đỉnh cao của văn học nước nhà.

2. Điều kiện hình thành và phát triển của thể phóng sự ở nước ta

a. Phóng sự ra đời như một quy luật phát triển tất yếu của đời sống văn hoá xã hội thời hiện đại

Đầu thập kỷ 30, xã hội Việt Nam có những chuyển động dữ dội trong tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá. Với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, và sự quật khởi của phong trào Xô - viết Nghệ Tĩnh do Đảng lãnh đạo, lần đầu tiên, sau khoảng 50 năm liên tiếp vùng lên

giành chính quyền tự do, độc lập, quần chúng lao khổ bắt đầu tìm thấy niềm tin chính trị vững chắc trên con đường giải phóng Tổ quốc. Trong đời sống văn hoá, hoạt động thông tin báo chí ngày càng sôi nổi, náo nhiệt. Năm 1865, cả nước ta mới chỉ có một tờ *Gia Định báo*, đầu 1925 đã có 35 tờ. Bảy năm sau (1932) con số này đã vọt lên tới 132. Báo chí càng phát triển rầm rộ hơn nữa trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939). Trên mặt trận báo chí, bằng nhiều con đường du nhập từ Pháp sang, từ Nga và từ Trung Quốc về, thể văn phóng sự đã dần dần trở nên quen thuộc trong làng văn, làng báo, được họ nhiệt thành học tập và vận dụng. Các nhà văn Việt Nam đã tìm thấy trong thể loại mới mẻ này sức mạnh biểu đạt nhanh nhạy và sắc bén trước hiện thực xã hội bức xúc và bế bộn. Bộ mặt tàn bạo của lũ cướp nước và bọn tay sai bán nước, bọn tư sản và địa chủ bóc lột hơn bao giờ hết đã lộ rõ, quần chúng nhân dân nhìn chúng với tất cả sự căm thù và phản kháng quyết liệt. Những nhà văn, nhà báo, sống gần gũi với giai cấp cần lao, giàu lòng yêu nước, yêu Đảng cũng luôn luôn nung nấu, tìm hướng giải quyết nhiệm vụ cho ngòi bút của mình trước hiện thực đau thương của thời cuộc. Xu hướng hiện thực bắt đầu nảy sinh và phát triển mạnh mẽ trên nhiều thể loại, đặc biệt là tiểu thuyết và phóng sự...

Xã hội Việt Nam những năm 30, chứa đựng trong lòng âm ấp những sự kiện đầy kịch tính với những nét bi - hài. Những sự kiện chính trị, sự kiện lịch sử, kinh tế, văn hoá sôi sục và nóng bỏng kế tiếp nhau, đan xen nhau chồng chéo khiến con người hiện đại nảy sinh nhu cầu cấp bách là phải chiếm lĩnh mau chóng những lượng thông tin phong phú, sốt dẻo và cập nhật ấy... Trong khi đó các thể tài văn chương như tiểu thuyết, thơ, kịch đã không kham nổi. Ngay các hình thức báo chí phản ánh những tin tức thường nhật cũng không thể chuyển tải nổi. Chỉ có phóng sự - thể văn tự liệu có khả năng đi sâu vào hiện thực, mở những cuộc điều tra, về các vụ việc bê bối, các tệ nạn xã hội lớn mới có thể phản ánh một cách kịp thời, sắc sảo có hiệu quả mà thôi. Như vậy, xã hội Việt Nam vào những năm đầu của thập kỷ 30 đã thực sự là mảnh đất màu mỡ cho thể phóng sự phát triển mạnh mẽ và mau chóng vươn tới những đỉnh cao.

Thật ra, xét trên phương diện thể ký thì ngay từ thế kỷ XVIII đã xuất hiện *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hồ; *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác (thế kỷ XVIII). *Hoàng Lê nhất thống chí* của nhóm Ngô gia văn phái (thế kỷ XVIII - XIX). Những tác phẩm ra đời trong thế kỷ nông dân khởi nghĩa với những biến động long trời lở đất ấy đã chứa đựng những sự kiện lịch sử rất đáng tin cậy

và vô cùng quý giá. Đó là những pho tư liệu âm áp những sử liệu được chất lọc từ chính cuộc sống thực. Tiếc rằng những tác phẩm này đều viết bằng chữ Hán. Vì thế giá trị thông tin tư liệu của nó hầu như còn đóng kín đối với đại chúng.

Bước sang cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhà nho bất đắc chí Tú Xương cũng đã ghi lại trong hàng loạt bài thơ Nôm những người và cảnh giàu chất phóng sự. Lần đầu tiên trong lịch sử văn học, người ta thấy ông réo gọi tên họ, cùng với địa danh, nghề nghiệp, phẩm hàm, chức tước của những người thực, việc thực trên đất thành Nam:

Ở phố hàng Song thật lắm quan

Thành thì đen kịt, Đốc thì lang

Chồng chung, vợ chạ, kìa cô Bó

Đâu lay, quan xin, nọ chú Hàn.

Tất nhiên, khả năng thông tin thời sự của thơ ca rất hạn chế, nhất là đối với hiện thực xã hội bề bộn và đầy biến động từ đầu thế kỷ này. Sự ra đời của báo chí và cùng với nó sự hình thành văn xuôi Quốc ngữ mới có khả năng đáp ứng nhu cầu đó.

Tuy nhiên, trước thập kỷ thứ 3, thể văn phóng sự vẫn chưa thấy xuất hiện. Phải đợi đến năm 1932, với tác phẩm *Tôi kéo xe* của Tam Lang, nó mới thực sự ra mắt trong đời sống văn học nước ta

(Các thể văn bút ký, tùy bút ra đời sớm hơn). Có lẽ đây là thể văn quá mới mẻ đối với truyền thống văn học nước ta chăng? Đây là thể văn gắn chặt với khuynh hướng văn học hiện thực chủ nghĩa cho nên sự ra đời của nó dựa trên cơ sở của sự phát triển mạnh mẽ của trào lưu văn học hiện thực chủ nghĩa chăng? Ngoài ra, là một thể văn mới mẻ, nó cần tiếp nhận sâu sắc kinh nghiệm của nước ngoài chăng?

b. Ảnh hưởng của một số phóng sự nước ngoài:

So với tất cả các thể loại văn học và báo chí, thể văn phóng sự có bước hình thành và phát triển độc đáo riêng biệt. Đây là thể loại hoàn toàn được du nhập từ phương Tây. Vì ngay cả ở phương Tây, nó cũng là một thể văn rất trẻ. Nó chỉ mới ra đời và phát triển rầm rộ ở một số quốc gia Âu - Mỹ ngay từ trong và sau thế chiến I (1914-1918). Những chuyển biến dữ dội, sôi động có tính toàn cầu, đặc biệt là cuộc chiến tranh tàn khốc vì quyền lợi ích kỷ của các tập đoàn đế quốc để phân chia lại thị trường thế giới, dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Liên bang Xô viết trên 1/6 địa cầu đã là những hiện thực vang dội có sức kích thích mạnh mẽ các nhà văn trên con đường tìm tòi, sáng tạo ra thể phóng sự. Hăngri Bacbuýt viết nên thiên phóng sự

nổi tiếng *Khói lửa* (1918). Cuộc đấu tranh giữa thiện và ác, giữa chân lý và chính nghĩa với phi nghĩa để giữ vững khí tiết người cộng sản trong những năm tháng lao tù đã buộc Guyliut Phuxích - người cộng sản Tiệp Khắc ghi lại trong thiên phóng sự chân thực và cảm động *Viết dưới giá treo cổ* (1919). Những năm tháng hứng khởi sống giữa đất nước Liên Xô, được chứng kiến tận mắt cuộc sống đầy gian khổ nhưng cũng đầy tự hào của nhân dân Xô viết dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, đứng đầu là Lenin vĩ đại, đã khiến Giôn Rít - một nhà báo xuất sắc người Mỹ viết nên phóng sự *Mười ngày rung chuyển thế giới* (1917) gây xôn xao dư luận. Tất cả những thành tựu của thể loại phóng sự non trẻ ấy đã bằng nhiều con đường chủ yếu là tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc đi vào Việt Nam được nhiều trí thức Tây học tìm đọc.

Có thể nói thể phóng sự từ Âu - Mỹ đã tìm thấy ở Việt Nam hai yếu tố rất căn bản để nảy mầm, bén rễ. Đó là:

- Hiện thực sôi động, bức xúc.
- Lớp người cầm bút có chân tài và tâm huyết với vận mệnh dân tộc.

Tuy nhiên ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc tới giới cầm bút nước ta là tập phóng sự nổi tiếng

của bà Ăngdrê Viôlít: *Đông Dương cấp cứu* (Indochina S.O.S). Tập phóng sự dày 227 trang này đã tập hợp được nhiều nguồn tư liệu quý báu và chân thực về Đông Dương những năm 1930-1932, giúp bạn bè quốc tế, nhất là những người Pháp nhìn rõ bộ mặt xấu xa của bọn thực dân đồ tể phát-xít. Với các nhà báo Việt Nam, cuốn *Đông Dương cấp cứu* chẳng những là kho tư liệu quý báu, dững cảm mà còn là tập phóng sự “mẫu” cụ thể, trực tiếp hướng dẫn họ về những thao tác cơ bản trong việc tiếp cận hiện thực, thể hiện chúng một cách tổng hợp theo đặc trưng thể loại. Những chương: “Các nhà tù, nhà lao khổ sai, các vụ xử tử”; “Thảm hại đẫm máu năm 1932”, “Những tên đồ tể giết hại nhân dân Đông Dương”, v.v... đã thực sự dấy lên ngọn lửa chiến đấu trên mảnh đất anh hùng, giàu truyền thống cách mạng của dân tộc ta, đồng thời chỉ rõ thiên chức và sứ mệnh cao cả của người cầm bút. Từ các tư liệu đã đăng báo hoặc từ những chứng cứ thu thập trực tiếp, mắt thấy tai nghe, bà A. Viôlít đã thực sự đứng về phía nhân dân Đông Dương, cất cao tiếng nói của tự do, công lý. Đây là một tài liệu mà tác giả đã tính theo “thông cáo tháng năm”. Ở các huyện Nam Đàn và Thành Chương, khi đoàn biểu tình ước tính có khoảng

400 người xã xung đột với lính đồn, ở hai nơi ấy, mỗi nơi có chừng 200 người, 50 người đã bị bắn chết;

“40 người bị giết ở Lạc Thiện, thuộc tỉnh Hà Tĩnh, 20 người bị giết ở Trà Vinh và 30 người khác bị giết ở Sơn Tịnh thuộc Quảng Ngãi...”

Không, không được! Giết người như vậy là quá nhiều. Nên hoà bình của nước Pháp không thể trở thành sự yên tĩnh ở các nghĩa địa”.

Tác phẩm đã đưa các tí nổi bật: “Một trăm mười lăm người chết, ngày hôm qua ở miền Bắc Trung kỳ... một trăm mười lăm người chết chính thức”.

“Các vị hội viên Hội đồng thuộc địa người Việt Nam và một số là đại biểu phản đối cuộc đàn áp dẫm máu đang hoành hành ở Trung kỳ”.

Về chế độ lao tù ở Đông Dương, tập phóng sự đã nêu lên những con số thật rùng rợn: “Khó mà lập được một bản thống kê ít nhiều chính xác về số tù chính trị bị giam cầm trong các nhà tù ở Đông Dương... Chỉ riêng ở Hải Phòng đã có 1.240 tù chính trị, trong số này có 168 phụ nữ. Phụ nữ bị bắt đều có thể bị tra tấn và bị hiếp dâm... Hơn 600 người cộng sản bị kết án sắp bị đưa đi Guyam... Những thủ đoạn tra tấn hết sức dã man. Những nhân viên ấy không những chỉ dùng roi mây mà còn dùng cả cách buộc ngón tay

cái và buộc treo người tù lên trần nhà, dùng hình phạt bắt nhịn đói, nhịn khát và dùng cả cách tra khảo bằng điện nữa”.

Từ những tội ác khái quát trên đây của bè lũ thực dân, cuốn phóng sự đã dành hẳn một chương để vạch mặt, chỉ tên những tên “đồ tể giết hại nhân dân Đông Dương” như: R. Robin, Fabonille, Lepol, Chatal, Arnoux..., đại úy Conot, giám binh Petit... bản danh sách những tên trùm đồ tể uống máu người không tanh ấy có tới 58 con quỷ khát máu thực dân và hàng chục tên tay sai bản xứ từ Bảo Đại, Nguyễn Hữu Bài, Tôn Thất Đản, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, v.v...

Cụ thể hơn, thông qua các: “Vụ án Sài Gòn”, “Vụ cháy ở nhà Bè”, tác giả đã đề cập tới hàng loạt các nhân vật chiến sĩ cách mạng ưu tú của Đảng ta ở trong tù. Đó là Ngô Gia Tự, Nguyễn Chí Diểu, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trừng... cùng với các lời phát biểu của họ, lời biện hộ của các trạng sư trước toà án thực dân, có tác dụng khắc họa thêm bức chân dung anh hùng, bất khuất của những người cộng sản Việt Nam.

Như vậy cuốn phóng sự *Đông Dương cấp cứu* là tác phẩm có ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng tới các tầng lớp độc giả nước ta, nhất là những người cầm bút.